

CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG LIÊN ND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG LIÊN ND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MTV HOANG LIEN ND COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110908242

3. Ngày thành lập: 05/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3 ngách 46 ngõ Linh Quang, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989387008

Fax:

Email: Hoangthuylien@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
2.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
3.	Sản xuất chè	1076
4.	Sản xuất cà phê	1077
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	1079
6.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
7.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
8.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2011
9.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
10.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
11.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
12.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
13.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
14.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Xây dựng công trình điện	4221

21.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
22.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
23.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
24.	Xây dựng công trình thủy	4291
25.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
26.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
28.	Phá dỡ	4311
29.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động Đào mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
36.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
39.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn đồ uống	4633
43.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Kính doanh thuốc và nguyên liệu làm thuốc Kính doanh trang thiết bị y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649

45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Loại trừ thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
49.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	4661
50.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép ; Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình (Trừ bán buôn vàng miếng)	4662
51.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
52.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su.	4669(Chính)
53.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
63.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4759
64.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
65.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

66.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
67.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)	4772
68.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
70.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
71.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
72.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Bốc xếp hàng hóa	5224
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;	5229
78.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
79.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
80.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
81.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630
82.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
83.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng - Khảo sát xây dựng - Kiểm định xây dựng	7110
84.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
85.	Cho thuê xe có động cơ	7710
86.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

87.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
88.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Trừ cho thuê máy bay)	7730
89.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.	7911
90.	Điều hành tua du lịch	7912
91.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
92.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
93.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
94.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
95.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động tổ chức họp báo)	8230
96.	Dịch vụ đóng gói	8292
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
98.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
99.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
100.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HOÀNG THÙY LIÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036184013210

Ngày cấp: 10/04/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH302A Nhà A9, Tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH302A Nhà A9, Tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG THUY LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036184013210

Ngày cấp: 10/04/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH302A Nhà A9, Tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH302A Nhà A9, Tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội